

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 152/2024/DS-ST  
Ngày: 29/11/2024  
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự  
về vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

**Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;  
Bà Hà Thị Kim Thu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lương Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 211/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- **Bị đơn** Anh Thái Thanh L, sinh năm: 1980 và chị Đặng Thúy O. Địa chỉ: Tổ C, ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T trình bày:**

Chị và anh L, chị O không có bà con họ hàng gì với nhau. Anh L trước đây làm công trình xây phân cách Quốc lộ A đi qua địa phận Sóc Trăng, nên có thuê công nhân làm, chị có xin làm công nhân, nên có quen anh L.

Vào ngày 19/01/2023, anh Thái Thanh L có mượn chị số tiền 160.000.000 đồng, có ký biên nhận mượn nợ cùng ngày, qua ngày hôm sau anh L mượn thêm số tiền 80.000.000 đồng, tổng cộng hai lần mượn là 240.000.00 đồng, hẹn hai tháng sẽ trả tiền gốc và lãi cho chị, nhưng đến nay anh L không trả.

Việc chị đưa tiền cho anh L thì vợ anh L tên Đặng Thúy O không biết, không có lần nào vợ anh L chứng kiến việc chị giao tiền cho anh L, nên chị xin rút lại yêu cầu vợ anh L là chị Đặng Thúy O phải trả tiền.

Đoạn chữ viết: “Rồi mượn thêm 80 mươi triệu nữa” là do chị viết. Nhưng sau khi viết xong, chị có yêu cầu anh L ký tên xác nhận, nhưng anh L nói mới ký hôm trước, tháng sau khi được thầu trên giải ngân, thì sẽ trả lại, thêm phần đồ đạc làm công trình còn ở đây. Thấy vậy, nên chị cũng không yêu cầu anh L ký tên xác nhận. Qua giải thích của Tòa án, thì chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh L phải trả số tiền 80.000.000 đồng. Chị xác định yêu cầu một mình anh L phải trả số tiền 160.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả từ ngày 19/01/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ cho chị.

#### **Bị đơn:**

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục đăng tin trên B và Đ để thông báo tìm kiếm anh Thái Thanh L vắng mặt nơi cư trú. Đến hết thời hạn thì tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh Thái Thanh L và chị Đặng Thúy O đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L, chị O đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### *Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T, yêu một mình anh Thái Thanh L có nghĩa vụ trả cho chị số tiền gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 19/01/2023 đến ngày xét xử 29/11/2024 là 22 tháng 10 ngày với lãi suất chậm trả 10%/năm (0,83%/tháng) thành tiền là 29.658.666 đồng (làm tròn 29.659.000 đồng). Tổng số tiền gốc và lãi là 189.659.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 30/11/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho chị.

#### *Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Riêng bị đơn anh Thái Thanh L, chị Đặng Thúy O, mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ hợp lệ việc tổng đạt văn bản tố tụng cho anh L, chị O, nhưng anh L, chị O không có văn bản trình bày ý kiến và không có mặt tại phiên tòa, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị O là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về hướng đề nghị giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Thái Thanh L có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Ngọc T số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 189.659.000 đồng (trong đó, tiền gốc 160.000.000 đồng, tiền lãi 29.659.000 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/11/2024 cho đến khi thi hành án xong với lãi suất theo quy định của pháp luật. Đình chỉ một phần khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc T về việc yêu cầu anh Thái Thanh L trả số tiền 80.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng: Buộc anh Thái Thanh L phải nộp tiền án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Lê Thị Ngọc T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định vụ án này như sau:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, chị Lê Thị Ngọc T yêu cầu anh Thái Thanh L có nghĩa vụ phải số tiền vay còn nợ. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản, bị đơn anh Thái Thanh L có nơi cư trú tại tổ C, ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Thái Thanh L, chị Đặng Thúy O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt, nên HĐXX căn cứ quy định tại khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Đối với số tiền cho vay gốc 160.000.000 đồng.

Chị Lê Thị Ngọc T có anh Thái Thanh L vay tiền làm nhiều lần đến ngày 19/01/2023 hai bên chốt nợ với nhau với số tiền gốc là 160.000.000 đồng. Qua ngày hôm sau có cho anh L vay thêm 80.000.000 đồng nữa, nhưng anh L không có ký tên, nên chị rút yêu cầu này. Chị T đã liên hệ với anh L để đòi số tiền này nhiều lần, nhưng anh L cứ hứa lần, hứa lượt, sau đó thì không trả và cố tình né tránh chị.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu một mình anh Thái Thanh L có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 189.659.000 đồng (trong đó, tiền gốc 160.000.000 đồng, tiền lãi 29.659.000 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/11/2024 cho đến khi thanh toán xong cho chị với lãi suất theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T, HĐXX thấy rằng:

Vào ngày 19/01/2023, giữa chị T với anh L có chót nợ với nhau, thể hiện chị Lê Thị Ngọc T có cho anh Thái Thanh L mượn số tiền 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng*) và hai bên có làm “Biên nhận” (BL 20). Chị T đã liên hệ với anh L để đòi số tiền này nhiều lần, nhưng anh L cứ hứa lần, hứa lượt, sau đó thì không trả và cố tình né tránh chị.

Tòa án đã tiến hành xác minh, tiến hành thủ tục đăng tin trên B và Đ để thông báo tìm kiếm anh Thái Thanh L vắng mặt nơi cư trú. Đến hết thời hạn thì tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh Thái Thanh L vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết. Do đó, HĐXX căn cứ vào “Biên nhận” (BL 20), buộc anh L phải trả số tiền gốc 160.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của chị T.

[3.2]. Đối với số tiền 80.000.000 đồng.

Đối với số tiền này, được thể hiện nằm dưới chữ ký của anh Thái Thanh L, chị T thừa nhận là do chị viết, không có xác nhận của anh L, nên chị T xin rút lại một phần khởi kiện yêu cầu anh L phải trả đối với số tiền 80.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị T trên tinh thần tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền lợi của người khác, phù hợp với quy định của pháp luật, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của chị T.

Do đó, trong quá trình nghị án và thảo luận, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Buộc anh Thái Thanh L có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Ngọc T số tiền tính đến ngày xét xử (29/11/2024) là 189.659.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 30/11/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho chị Lê Thị Ngọc T. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc T về việc yêu cầu anh Thái Thanh L phải trả số tiền 80.000.000 đồng.

[4] Về chi phí tố tụng: Bị đơn anh Thái Thanh L là người cố tình trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho chị T, nên là chủ thể tạo ra hoàn cảnh, điều kiện phải thực hiện tổng đạt bằng thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Do đó, phải gánh chịu hậu quả pháp lý, khi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T được HĐXX chấp nhận.

Chi phí đăng Báo Công lý 1.50.000 đồng theo Hoá đơn giá trị gia tăng số 00001756 ngày 25/9/2024 và Chi phí đăng Đài tiếng nói Việt Nam 4.500.000 đồng

theo Hoá đơn giá trị gia tăng số 348 ngày 13/9/2024. Tổng cộng là 6.000.000 đồng, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T tạm ứng và đã nộp xong. Do vậy, buộc bị đơn anh Thái Thanh L phải hoàn trả lại cho chị Lê Thị Ngọc T 6.000.000 đồng.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 47, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc anh Thái Thanh L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền phải trả cho chị Lê Thị Ngọc T 189.659.000 đồng là 9.482.950 đồng (làm tròn 9.483.000 đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T được HĐXX chấp nhận, nên hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 467 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 47, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Buộc anh Thái Thanh L phải trả cho chị Lê Thị Ngọc T với tổng số tiền tính đến ngày xét xử là 189.659.000đ (*Một trăm tám mươi chín triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng*), trong đó, tiền gốc 160.000.000 đồng, tiền lãi 29.659.000 đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 kể từ ngày 30/11/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho chị Lê Thị Ngọc T.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc T về việc yêu cầu anh Thái Thanh L phải trả số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*).

3. Chi phí tố tụng khác: Buộc anh Thái Thanh L phải hoàn trả cho chị Lê Thị Ngọc T chi phí đăng B và Đ với số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*).

#### 4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Thái Thanh L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 9.483.000đ (*Chín triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng*).

Hoàn trả cho chị Lê Thị Ngọc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001134 ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2024); Bị đơn anh T1 Thanh Long vắng mặt tại phiên tòa, thì được quyền kháng cáo Bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lâm Nguyễn Thanh H**